

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/DS-ST

Ngày: 15-8-2023

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa và bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLST-DS ngày 30/01/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi*”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2023/QĐST-DS ngày 20/7/2023, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần 02 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà H trình bày: Ngày 07/12/2020 âm lịch, chị X có vay của bà 60.000.000 đồng. Có làm biên nhận. Ngày 01/12/2020 bà H có tham gia 06 phần hụi tuần do chị X làm chủ, loại hụi tuần 500.000 đồng. Bà H hốt được 01 phần còn 05 phần hụi sống, mỗi hụi

tháng 09/2021, trừ 01 phần hui chết, chị X còn thiếu 83.750.000 đồng. Ngày 01/8/2021 chị X có tham gia 02 phần hui do bà H làm chủ, hui tháng 5.000.000 đồng, có 24 phần hui, chị X hót 02 phần hui, bà H giao cho chị X 163.000.000 đồng. Chị X phải đóng hui chết đây hui này là 240.000.000 đồng, có làm biên nhận. Ngày 30/01/2022 chị X có hỏi vay 02 lần số tiền 114.000.000 đồng. Tổng cộng chị X nợ hui và vay là 497.750.000 đồng. Theo đơn khởi kiện bà H yêu cầu chị X trả số tiền này.

Tại phiên tòa, bà H yêu cầu chị X trả phần tiền vay có biên nhận là 60.000.000 đồng và phần hui có giấy mua hui là 240.000.000 đồng. Tổng cộng hai phần là 300.000.000 đồng. Bà H rút lại yêu cầu đối với phần tiền vay 114.000.000 đồng và phần tiền hui 83.750.000 đồng.

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà C trình bày: Ngày 31/12/2021 bà C có cho chị X vay 30 chỉ vàng 24 kara để xoay sở làm ăn; thời hạn vay là một năm. Chị X có thể chấp một giấy viết tay mua nhà, nếu đến hạn không trả nợ thì giao nhà đất trừ nợ. Nhưng đến nay chị X không thanh toán nợ và cũng không giao đất. Do đó, yêu cầu chị X trả lại 30 chỉ vàng.

Tại phiên tòa, bà C yêu cầu chị X trả lại 30 chỉ vàng 24 kara, loại vàng 98%.

- Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Bị đơn vắng mặt phiên tòa lần hai không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị X trả cho bà H 300.000.000 đồng và bà C 30 chỉ vàng 24 kara.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn là bà H và bị đơn là chị X có hợp đồng chơi hui và vay tiền; nguyên đơn bà C và bị đơn chị X có hợp đồng vay vàng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán, do đó xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hui*”.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí nhưng đương sự không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí.

[2] Bà **H** khởi kiện có cung cấp tài liệu, chứng cứ là giấy vay tiền 60.000.000 đồng và giấy mua hui (dây 5.000.000 đồng). Bà **C** khởi kiện có cung cấp tài liệu, chứng cứ là giấy thế chấp giấy tờ nhà đất ở, để vay 30 chỉ vàng.

Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do; đồng thời bị đơn vắng mặt phiên tòa nên không thể hiện ý kiến của mình. Nguyên đơn khởi kiện có cung cấp tài liệu, chứng cứ; bị đơn không có ý kiến phản bác về lời trình bày cũng như chứng cứ nguyên đơn cung cấp nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tình tiết có thật, đương sự không cần phải chứng minh.

Tại phiên tòa, bà **H** tự nguyện rút yêu cầu đối với số tiền hui 83.750.000 đồng và tiền vay 114.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phần yêu cầu đã rút.

Hội đồng xét xử xác định yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên buộc chị **X** trả cho bà **H** 300.000.000 đồng; trong đó tiền vay 60.000.000 đồng và tiền hui là 240.000.000 đồng. Buộc chị **X** trả cho bà **C** 30 chỉ vàng 24 kara.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thanh toán số nợ: $300.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.000.000 \text{ đồng}$ và $30 \text{ chỉ} \times 5.000.000 \text{ đồng/chỉ} = 150.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.500.000 \text{ đồng}$. Như vậy tổng án phí chị **X** phải chịu là 22.500.000 đồng.

Hoàn trả cho bà **H**, bà **C** tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 16, 17, 22, 24, 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về “*họ, họ, họ, họ, họ*”; Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị C đối với chị Nguyễn Thị X.

Buộc chị Nguyễn Thị X trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); trong đó tiền vay là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền hội là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

Buộc chị Nguyễn Thị X trả cho bà Nguyễn Thị C 30 (Ba mươi) chỉ vàng 24 kara (loại vàng 98% hoặc tương đương).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong số tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H đã rút tại phiên tòa với số tiền là 197.750.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

2- Án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí là 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.955.000 đồng (Mười một triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001072 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả cho bà **Nguyễn Thị C** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001122 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận